

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nhị.
- Ông Võ Đức Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà D Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.
- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M trình bày:

Ông và bà D do quen biết, tự tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2006. Đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau khi cưới thì vợ chồng ông ở chung với cha mẹ ông M một thời gian đến khoảng năm 2010 – 2011 thì ra riêng do cha mẹ ông M cất cho nhà riêng trên đất của cha mẹ ông M. Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì có xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng có bất đồng quan

điểm có xảy ra cãi vã, bà D xin đi làm công ty rồi không về sống chung với ông nữa, vợ chồng ông đã ly thân từ đó đến nay. Nay ông M thấy tình cảm vợ chồng với bà D không còn, vợ chồng không thể hàn gắn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Vợ chồng ông có 04 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/7/2009, Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/12/2013, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 02/11/2015 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 20/10/2019, hiện các con chung đang sống với ông M nên khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Anh Thi – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D. Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/7/2009, Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/12/2013, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 02/11/2015 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 20/10/2019, hiện các con chung đang sống với ông M, các cháu Minh H, Minh C và Minh H1 có nguyện vọng ở với cha nên khi ly hôn tiếp tục giao cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên không buộc bà D phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà ông Nguyễn Xuân M cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân ông M; Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D. Bà D cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Xuân M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã B xác nhận bà Nguyễn Thị Thùy D có đăng ký thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà D, bà D đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M và bà D.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông M, thấy rằng: Ông M và bà D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2008 nên hôn nhân của ông M và bà D là hôn nhân hợp pháp. Theo ông M nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có bất đồng quan điểm có xảy ra cãi vã, bà D xin đi làm công ty rồi không về sống chung với ông nữa, vợ chồng ông đã ly thân từ đó đến nay. Nay ông M thấy tình cảm vợ chồng với bà D không còn, vợ chồng không thể hàn gắn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D. Về phía bà D, từ khi ông M nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông M nhưng bà D cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy bà D không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà ông M đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông M trình bày vợ chồng ông Có 04 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/7/2009, Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/12/2013, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 02/11/2015 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 20/10/2019, hiện các con chung đang sống với ông M. Xét thấy, hiện các cháu Minh H, Minh C và Minh H1 có nguyện vọng ở với cha khi cha mẹ ly hôn và các con chung đang sống với ông M, cuộc sống đã ổn định, các cháu vẫn phát triển bình thường. Bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của ông M nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao 04 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/7/2009, Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/12/2013, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 02/11/2015 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 20/10/2019 cho ông M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ông M không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con do đó bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, bà D vắng mặt không có lời trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M về việc "Ly hôn" với bà Nguyễn Thị Thùy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Xuân M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Xuân M tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 30/7/2009, Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/12/2013, Nguyễn Minh H1, sinh ngày 02/11/2015 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 20/10/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Xuân M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai số 0008450 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, ông Nguyễn Xuân M đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Quân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Mạnh Quyết.

Ông Nguyễn Hồng Phong.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **282/2022/TLST-HNGĐ** ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “*ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 2001.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 179 ấp Phú Ninh, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M về việc “*Ly hôn*” với bà Nguyễn Thị Thùy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Xuân M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Xuân M tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 20/12/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Xuân M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002670 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, ông Nguyễn Xuân M đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Mạnh Quyết

Nguyễn Hồng Phong

Nguyễn Đức Quân